

Bản án số: 56/2025/HNGĐ - ST

Ngày 26-12-2025

V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Luân.

2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Phương Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2025/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1997; số định danh cá nhân: 035197005643; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường L, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn H1, sinh năm 1998; số định danh cá nhân: 035098008323; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường L, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thu H trình bày: Chị và anh Đặng Văn H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình) ngày 06 tháng 10 năm 2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do trong cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn to tiếng, cãi nhau, vợ chồng sống với nhau nhưng không có tình cảm, không quan

tâm đến nhau, ai thích làm gì thì làm. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Văn H1.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đặng Văn H1 trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh với chị Nguyễn Thu H đúng như chị Hương đã trình bày. Anh H1 xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do áp lực về kinh tế nhưng vợ chồng không thông cảm, chia sẻ với nhau, cuộc sống vợ chồng không có sự hòa hợp, từ tháng 6/2025 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân nhau từ đó và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh H1 xác định mặc dù vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh H1 thống nhất xác định vợ chồng anh chị có 01 con chung là Đặng Khánh N, sinh ngày 30/11/2023, hiện nay đang ở với chị H. Tuy nhiên, anh chị không thống nhất được việc nuôi dưỡng con chung. Cả chị H và anh H1 đều xin được nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu bên kia góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị H và anh H1 đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ: Chị H và anh H1 thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thu H. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thu H và anh Đặng Văn H1. Về con chung: Giao cháu Đặng Khánh N, sinh ngày 30/11/2023 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H1 không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị H. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thu H và bị đơn là anh Đặng Văn H1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thu H và anh Đặng Văn H1 là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 06/10/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình). Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, nặng nề. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh H1. Còn anh H1 mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và anh chị đã ly thân nhau là thực tế, bản thân anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị H được ly hôn anh H1 là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh H1 có 01 con chung là Đặng Khánh N, sinh ngày 30/11/2023. Xét yêu cầu về việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo thực tế việc chăm sóc, giáo dục con cũng như ổn định cuộc sống của con. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu N đều ở với chị H và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Hơn nữa, cháu N chưa được 36 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc của mẹ mới đảm bảo sự phát triển toàn diện về mọi mặt của cháu. Vì vậy, cần giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng cháu N, anh H1 không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị H là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng*: Chị H và anh H1 không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp*: Chị H và anh H1 cùng thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thu H và anh Đặng Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thanh N, sinh ngày 30/11/2023 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H1 không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001528 ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. (Chị H đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị H và anh H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Lý Thường Kiệt;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

